

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6000179936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2008. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 25/08/2015.

Vốn điều lệ: 76.722.775.669 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2016: 75.828.218.669 đồng.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (84) 0500.3813047
- Fax: (84) 0500.3813047

#### Lĩnh vực kinh doanh chính

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là:

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC(tiếp theo)**

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

**Đơn vị trực thuộc:** Công ty có 03 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc)

- Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý nghĩa trang
- Xí nghiệp Xây dựng công trình và Dịch vụ
- Xí nghiệp Công viên Cây xanh

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**Hội đồng thành viên**

- |                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Minh Sơn | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 01/08/2013 |
| • Ông Lê Đình Trung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2014     |
| • Ông Bùi Văn Quý   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/06/2015     |

**Kiểm soát viên**

- |                      |                |                              |
|----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Diệp | Kiểm soát viên | Bổ nhiệm lại ngày 16/09/2014 |
|----------------------|----------------|------------------------------|

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                |                              |
|---------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Bùi Văn Quý         | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 12/06/2015     |
| • Ông Lê Đình Trung       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/04/2014     |
| • Bà Phạm Thị Thanh Sương | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 31/07/2015     |
| • Ông Lê Văn Chính        | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 31/07/2015 |

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- |                   |          |                          |
|-------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Bùi Văn Quý | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/07/2015 |
|-------------------|----------|--------------------------|

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC(tiếp theo)****KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: số 36 Phạm Hồng Thái, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; trụ sở tại TP Đà Nẵng: Số 176/28 Lý Tự Trọng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3691789; Fax: (84) 0511.3691188; Website: avnaudit.com.vn).

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Bùi Văn Quý**

Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Số: 66/2017/BCKT-TC-AVN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, được lập ngày 29/03/2017, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



**Trần Hà Diễm Phương**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1466-2014-231-1

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**Huỳnh Minh Hưng**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3402-2016-231-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115.013.930.304</b>	<b>86.415.467.988</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>37.928.835.668</b>	<b>25.180.977.610</b>
1. Tiền	111	5	23.428.835.668	15.146.866.499
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	14.500.000.000	10.034.111.111
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>500.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.244.050.774</b>	<b>60.326.157.192</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	47.792.169.490	44.597.770.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	25.021.224.907	12.850.309.960
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.440.369.167	2.887.789.907
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(9.712.790)	(9.712.790)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.321.188.343</b>	<b>860.413.441</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	2.321.188.343	860.413.441
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.855.519</b>	<b>47.919.745</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	19.855.519	47.919.745
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>618.937.859.506</b>	<b>744.576.670.201</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>152.532.567.749</b>	<b>159.595.250.565</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	152.532.567.749	159.595.250.565
- Nguyên giá	222		281.636.604.192	276.662.717.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.104.036.443)	(117.067.466.627)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		208.000.000	208.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(208.000.000)	(208.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>465.524.750.903</b>	<b>583.608.944.617</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	465.524.750.903	583.608.944.617
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>880.540.854</b>	<b>1.372.475.019</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	880.540.854	1.372.475.019
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>733.951.789.810</b>	<b>830.992.138.189</b>




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>51.558.425.441</b>	<b>58.468.989.864</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.558.425.441</b>	<b>47.468.989.864</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	7.249.398.531	8.720.855.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	2.218.464.597	699.095.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.845.733.346	1.725.760.713
4. Phải trả người lao động	314		23.028.991.342	24.574.725.518
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	99.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	192.449.550	479.571.041
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.924.388.075	11.268.981.477
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>11.000.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	11.000.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>682.393.364.369</b>	<b>772.523.148.325</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>81.961.369.623</b>	<b>79.306.823.371</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	75.828.218.669	73.266.648.669
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.828.218.669	73.266.648.669
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22d	6.133.150.954	6.040.174.702
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.133.150.954	6.040.174.702
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>600.431.994.746</b>	<b>693.216.324.954</b>
1. Nguồn kinh phí	431		488.779.621.473	575.425.633.681
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		111.652.373.273	117.790.691.273
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>733.951.789.810</b>	<b>830.992.138.189</b>

  
Lê Nguyên Vũ  
Người lập biểu

  
Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng

  
Bùi Văn Quý  
Giám đốc


Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	133.804.339.249	140.257.367.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	286.036.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		133.804.339.249	139.971.331.549
4. Giá vốn hàng bán	11	24	114.010.548.350	119.129.763.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>19.793.790.899</b>	<b>20.841.568.413</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	482.069.211	301.605.892
7. Chi phí tài chính	22		11.925.000	11.666.667
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	11.666.667
8. Chi phí bán hàng	25		-	18.510.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.894.606.999	13.151.887.323
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>8.369.328.111</b>	<b>7.961.110.315</b>
11. Thu nhập khác	31	27	290.230.084	176.162.803
12. Chi phí khác	32	28	845.628.753	329.012.462
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(555.398.669)</b>	<b>(152.849.659)</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>7.813.929.442</b>	<b>7.808.260.656</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.680.778.488	1.768.085.954
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>6.133.150.954</b>	<b>6.040.174.702</b>

  
Lê Nguyên Vũ  
Người lập biểu

  
Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng

  
Bùi Văn Quý  
Giám đốc  
Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016


Mẫu số B 03 - DN

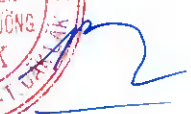
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	139.387.940.080	158.538.796.005
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(30.782.388.354)	(64.382.081.068)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(60.744.042.923)	(67.309.022.393)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11.925.000)	(149.444.445)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.956.605.726)	(2.303.925.464)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	61.764.452.891	68.292.846.111
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(81.058.549.034)	(84.445.316.290)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>26.598.881.934</b>	<b>8.241.852.456</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.823.866.653)	(11.063.653.204)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	1.045.455	45.827.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	471.797.322	301.605.892
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.851.023.876)</b>	<b>(10.716.220.039)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.000.000.000	11.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.000.000.000)	(15.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.000.000.000)</b>	<b>(4.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>12.747.858.058</b>	<b>(6.474.367.583)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.180.977.610	31.655.345.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>37.928.835.668</b>	<b>25.180.977.610</b>

  
Lê Nguyên Vũ  
Người lập biểu

  
Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng

  
Bùi Văn Quý  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Nhà nước.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là môi trường, bảo tồn và tổ chức sinh thái.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, họa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Dịch vụ	Số 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Xí nghiệp Công viên Cây xanh	Số 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý Nghĩa trang	Tổ dân phố 7, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng****4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

**4.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;

**4.8 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	3 – 5

**4.9 Tài sản cố định vô hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý	3 – 8

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

**4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Các khoản chi phí phải trả khác: chi phí phải trả được xác định dựa vào các hợp đồng ký kết trên cơ sở thực tế chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

**4.13 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của Nhà nước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

**4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

**4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  - ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
  - ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

  - ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
  - ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

  - ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
  - ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ năm tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**4.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ....

**4.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi,....

**4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - Đối với Dịch vụ phục vụ công cộng: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, Dịch vụ chăm sóc cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan thuộc đối tượng không chịu thuế
  - Các hoạt động khác: Áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Tiền mặt tại quỹ	1.841.536.581	1.162.457.394
- Tiền gửi ngân hàng	21.587.299.087	13.958.118.105
+ VND	21.222.937.122	12.745.818.105
+ USD	16.044,12 # 364.361.965	54.000 # 1.212.300.000
- Tiền đang chuyển	-	26.291.000
<b>Cộng</b>	<b>23.428.835.668</b>	<b>15.146.866.499</b>

**6. Các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	14.000.000.000	5.015.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	5.015.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đắk Lắk	2.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đắk Lắk	2.000.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng	-	5.019.111.111
- Ngân hàng NN & PT NN Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	5.019.111.111
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	500.000.000	-
- Ngân hàng NN & PT NN Việt Nam	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.500.000.000</b>	<b>10.034.111.111</b>

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng				
- Ngân hàng NN & PT NN Việt Nam - CN Đắk Lắk	500.000.000	500.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	47.792.169.490	44.597.770.115
Phòng quản lý đô thị	26.721.669.000	18.942.362.000
Sở văn hóa thể thao và du lịch	3.984.343.000	3.298.274.000
Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường (*)	15.039.453.833	20.570.542.458
Các khách hàng khác	2.046.703.657	1.786.591.657
<b>Cộng</b>	<b>47.792.169.490</b>	<b>44.597.770.115</b>

(\*) Các khoản các Xí nghiệp phải thu Công ty đối với các công trình Công ty thay Nhà nước làm chủ đầu tư

**9. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	25.021.224.907	12.850.309.960
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng	4.634.333.000	8.415.327.787
Công ty TNHH SX CK điện XD TM Quang Lộc	-	2.945.455.000
Công ty TNHH Xây dựng Phú Cường	2.000.000.000	500.000.000
Công Ty TNHH An Nguyên	15.390.874.000	-
Công ty TNHH Phương Đông	2.530.909.000	-
Các nhà cung cấp khác	465.108.907	989.527.173
<b>Cộng</b>	<b>25.021.224.907</b>	<b>12.850.309.960</b>

**10. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	281.601.014	-	741.846.594	-
Phải thu khác	1.158.768.153	-	2.145.943.313	-
<b>Cộng</b>	<b>1.440.369.167</b>	<b>-</b>	<b>2.887.789.907</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**11. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	9.712.790	9.712.790
<b>Cộng</b>	<b>9.712.790</b>	<b>9.712.790</b>

**12. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	381.466.218	-	222.204.545	-
Công cụ, dụng cụ	95.984.541	-	56.912.286	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.761.168.716	-	498.727.742	-
Hàng hóa	82.568.868	-	82.568.868	-
<b>Cộng</b>	<b>2.321.188.343</b>	<b>-</b>	<b>860.413.441</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Văn phòng Công ty	703.277.458	1.351.503.203
- CCDC chờ phân bổ	366.849.410	673.668.455
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	330.605.500	667.925.645
- VAT đầu vào không được khấu trừ	5.822.548	9.909.103
Xí nghiệp Xây dựng và quản lý nghĩa trang	177.263.396	8.220.679
Xí nghiệp Xây dựng công trình và dịch vụ	-	12.751.137
<b>Cộng</b>	<b>880.540.854</b>	<b>1.372.475.019</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	208.979.207.388	16.455.068.891	50.262.354.226	901.826.687	64.260.000	276.662.717.192
Mua sắm trong năm	4.530.367.000	-	-	517.220.000	-	5.047.587.000
T/lý, nhượng bán	-	-	-	(40.800.000)	(32.900.000)	(73.700.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>213.509.574.388</b>	<b>16.455.068.891</b>	<b>50.262.354.226</b>	<b>1.378.246.687</b>	<b>31.360.000</b>	<b>281.636.604.192</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	70.938.736.813	9.239.788.174	36.213.007.408	617.663.232	58.271.000	117.067.466.627
Khấu hao trong năm	7.212.840.262	1.181.357.945	3.579.134.609	138.153.000	5.989.000	12.117.474.816
T/lý, nhượng bán	-	-	-	(48.005.000)	(32.900.000)	(80.905.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>78.151.577.075</b>	<b>10.421.146.119</b>	<b>39.792.142.017</b>	<b>707.811.232</b>	<b>31.360.000</b>	<b>129.104.036.443</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	138.040.470.575	7.215.280.717	14.049.346.818	284.163.455	5.989.000	159.595.250.565
<b>Số cuối năm</b>	<b>135.357.997.313</b>	<b>6.033.922.772</b>	<b>10.470.212.209</b>	<b>670.435.455</b>	<b>-</b>	<b>152.532.567.749</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 35.301.460.388 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2016 là 0 đồng.

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Mua sắm trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>208.000.000</b>	<b>208.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>208.000.000</b>	<b>208.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Mua sắm trong năm	2.225.000	2.225.000
Xây dựng cơ bản	465.522.525.903	583.606.719.617
Bãi chôn chất thải rắn	20.913.793.000	18.680.276.000
Nâng cấp đường giải phóng	14.287.647.000	12.329.892.620
	-	23.646.733.000
Hệ thống thoát nước qua quốc lộ 14 đoạn TP Buôn Ma Thuột		
Xây dựng vỉa hè, bồn cây, TNhựa đường Mai Hắc Đế	18.276.358.000	18.125.277.000
Xây dựng vỉa hè tuyến Quốc Lộ 26.27	26.827.000.000	24.436.954.545
Đường giao thông nối QL 14 đến đường Phan Chu Trinh	18.968.659.000	18.214.000.000
Công trình mở rộng nâng cấp đường Y Ngông đoạn từ trung	16.410.678.000	15.350.014.000
cấp nghề đến MXT		
Công trình mở rộng nâng cấp đường Tỉnh lộ 1 đoạn từ MXT	-	44.517.590.000
đến cầu Buôn ky		
Công trình điện CSCC một số tuyến KV thành phố Buôn Ma	-	9.904.836.000
Thuột		
Công trình đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ PCông trình đến	-	15.388.864.000
đường vành đai phía tây		
	11.278.402.000	11.041.141.000
Công trình Hỗ trợ di dời mộ tại Ngã trang Phan Bội Châu		
Công trình thâm BTN 11 tuyến đường nội thành	-	12.725.946.000
Công trình Đường vào buôn Đhar Prông	12.827.902.000	10.738.886.000
Công trình tỉnh lộ 5 TP Buôn Ma Thuột đoạn km 0 đến km2	30.763.134.000	21.777.493.430
Công trình mở rộng nâng cấp đường y ngông đoạn từ MXT đến	10.416.960.000	9.796.263.000
TLI		
Công trình đường vào Viện KHICN nông lâm nghiệp Tây	16.335.581.000	14.770.092.000
Nguyên		
Công trình Đường liên khối 6 P. Khánh Xuân	9.510.040.000	7.700.000.000
Công trình Xây dựng vỉa hè một số tuyến đường ở TP Buôn Ma	-	28.909.069.000
Thuột		
Thâm BTN 06 trục đường nội thành	10.464.224.000	9.560.000.000
Công trình điện CS các trục chính trung tâm 33 buôn TP Buôn	-	19.334.931.000
Ma Thuột		
Công trình quy hoạch bãi chôn lấp Công trình tại phía nam TP	74.665.290.145	62.363.438.358
Buôn Ma Thuột (Hòa Phú)		
Công trình cải tạo, nâng cấp đường Mai Xuân Thưởng	11.564.079.000	9.560.551.000
Công trình điện chiếu sáng một số đường hẻm trên địa bàn TP		
Buôn Ma Thuột	-	22.022.000.000
Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	34.669.932.000	25.858.582.000
HT thoát nước mưa đường Mai Hắc Đế	-	27.274.256.822
CT mở rộng, nâng cấp đường Trần Quý cấp ( đoạn Ywang - NV )	45.469.936.326	7.515.630.955
CT Đường Hoàng Hoa Thám & cầu bê tông	16.085.277.828	7.819.402.828
Các công trình khác	65.787.632.604	74.244.599.059
Sửa chữa lớn trong năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>465.524.750.903</b>	<b>583.608.944.617</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**17. Phải trả người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán là các đối tượng khác	7.249.398.531	8.720.855.215
Công ty CP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	-	2.514.740.000
Phạm Vĩnh Nguyên	1.885.130.345	1.476.856.268
Nguyễn Trung Hiếu	194.488.200	858.059.264
Võ Văn Duy	1.425.960.935	957.698.307
Phạm Văn Cảnh	1.328.939.401	725.279.805
Các nhà cung cấp khác	2.414.879.650	2.188.221.571
<b>Cộng</b>	<b>7.249.398.531</b>	<b>8.720.855.215</b>

**18. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016	01/01/2016
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	2.218.464.597	699.095.900
Xí nghiệp công viên cây xanh	-	23.359.900
Xí nghiệp Xây dựng và quản lý nghĩa trang	-	675.736.000
Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường (*)	214.733.697	-
Các đối tượng khác	2.003.730.900	-
<b>Cộng</b>	<b>2.218.464.597</b>	<b>699.095.900</b>

**19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	833.886.579	7.309.875.019	6.918.850.598	-	1.224.911.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	891.627.534	1.680.778.488	1.956.605.726	-	615.800.296
Thuế thu nhập cá nhân	-	246.600	185.387.163	180.611.713	-	5.022.050
Thuế TNCN XN Xây dựng và Quản lý Nghĩa trang	47.919.745	-	28.860.834	796.608	19.855.519	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	629.613.061	629.613.061	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>47.919.745</b>	<b>1.725.760.713</b>	<b>9.844.514.565</b>	<b>9.696.477.706</b>	<b>19.855.519</b>	<b>1.845.733.346</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	99.000.000	-
Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016	99.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>99.000.000</b>	<b>-</b>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	192.449.550	479.571.041
Kinh phí công đoàn	70.988.387	71.167.387
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	70.206.178
Các khoản phải trả khác	121.461.163	338.197.476
<b>Cộng</b>	<b>192.449.550</b>	<b>479.571.041</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	73.266.648.669	5.779.041.012	79.045.689.681
Tăng trong năm	-	6.040.174.702	6.040.174.702
Giảm trong năm	-	(5.779.041.012)	(5.779.041.012)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>73.266.648.669</b>	<b>6.040.174.702</b>	<b>79.306.823.371</b>
Số dư tại 01/01/2016	73.266.648.669	6.040.174.702	79.306.823.371
Tăng trong năm	2.561.570.000	6.133.150.954	8.694.720.954
Giảm trong năm	-	(6.040.174.702)	(6.040.174.702)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>75.828.218.669</b>	<b>6.133.150.954</b>	<b>81.961.369.623</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của UBND tỉnh Đắk Lắk	75.828.218.669	73.266.648.669
<b>Cộng</b>	<b>75.828.218.669</b>	<b>73.266.648.669</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	73.266.648.669	73.266.648.669
- Vốn góp tăng trong năm	2.561.570.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	75.828.218.669	73.266.648.669

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.040.174.702	5.779.041.012
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	6.133.150.954	6.040.174.702
Phân phối lợi nhuận	6.040.174.702	5.779.041.012
Phân phối lợi nhuận năm trước	6.040.174.702	5.779.041.012
- Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	248.000.000	137.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.792.174.702	5.642.041.012
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>6.133.150.954</b>	<b>6.040.174.702</b>

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
Doanh thu đối với các đối tượng khác	133.804.339.249	140.257.367.549
+ Doanh thu bán hàng hóa	1.164.773.802	683.930.662
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.804.147.449	109.530.411.628
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	26.835.417.998	30.043.025.259
<b>Cộng</b>	<b>133.804.339.249</b>	<b>140.257.367.549</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Giá vốn

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.118.231.778	639.414.905
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	88.483.972.783	92.264.213.765
Giá vốn của hoạt động xây lắp	24.408.343.789	26.342.705.466
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	(116.571.000)
<b>Cộng</b>	<b>114.010.548.350</b>	<b>119.129.763.136</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	482.069.211	301.605.892
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>482.069.211</b>	<b>301.605.892</b>

### 26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.473.901.285	7.860.384.445
Chi phí vật liệu quản lý	603.349.001	806.716.717
Chi phí đồ dùng văn phòng	317.606.487	545.158.093
Chi phí khấu hao TSCĐ	226.038.000	247.265.000
Thuế, phí và lệ phí	641.647.523	568.925.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.762.475	789.564.174
Chi phí bằng tiền khác	1.730.302.228	2.333.873.407
<b>Cộng</b>	<b>11.894.606.999</b>	<b>13.151.887.323</b>

### 27. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản lưu động	15.108.182	27.031.819
Thu bồi thường	36.657.065	88.358.000
Thu nhập từ bán hồ sơ mời thầu	184.536.382	58.545.460
Thu từ thanh lý TSCĐ	1.045.455	-
Thu nhập khác	52.883.000	2.227.524
<b>Cộng</b>	<b>290.230.084</b>	<b>176.162.803</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**28. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt hành chính	589.963.000	133.680.000
Chi phí phí mở thầu	149.773.741	19.320.000
Chi phí sửa chữa công trình	86.167.012	69.406.745
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý tài sản cố định	-	106.572.727
Các khoản khác	19.725.000	32.990
<b>Cộng</b>	<b>845.628.753</b>	<b>329.012.462</b>

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.813.929.442	7.808.260.656
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	589.963.000	228.493.680
Điều chỉnh tăng	589.963.000	228.493.680
- Phạt vi phạm hành chính	589.963.000	133.680.000
- Chi phí không hợp lệ khác	-	94.813.680
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.403.892.442	8.036.754.336
Thuế TNDN hiện hành	1.680.778.488	1.768.085.954
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.680.778.488</b>	<b>1.768.085.954</b>

**Trong đó:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.680.778.488	1.768.085.954
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.064.999.518	24.901.769.009
Chi phí nhân công	79.759.640.271	84.032.789.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.136.707.816	5.937.211.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.365.439.388	5.764.168.445
Chi phí khác bằng tiền	3.161.651.720	5.193.047.426
<b>Cộng</b>	<b>124.488.438.713</b>	<b>125.828.986.016</b>

**31. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)


(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)


### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam.

  
Lê Nguyên Vũ  
Người lập biểu

  
Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng

  
Bùi Văn Quý  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017